

令和 4 年 5 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	73.8 t	7.74	3.0 cm	15.3 °C	
放流水量	72.0 t	7.86	50.0 cm	16.2 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	287 KWH	4,455 KWH	6.47 t	
日平均使用量	9.3 KWH	143.7 KWH	0.21 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	11台: 4.44t	36台: 59.28t	44台: 25.12t	5台: 13.59t	2台: 4.08t	
前月累計	5台: 3.37t	28台: 43.37t	34台: 19.53t	6台: 15.33t	1台: 2.00t	
年度計	16台: 7.81t	64台: 102.65t	78台: 44.65t	11台: 28.92t	3台: 6.08t	

小計	
月計	98台: 106.51 t
前月累計	74台: 83.60 t
年度計	172台: 190.11 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	98台: 106.51 t
前月累計	t	74台: 83.60 t
年度計	t	172台: 190.11 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	31台	266 m ³
前月累計	40台	209 m ³
年度計	71台	475 m ³

項目	日
搬入日数	19
日平均搬入数量	5.61 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	83.60 t	74台	スケール分散剤	40.00 kg
5	106.51 t	98台	凝集剤 パック	150.00 kg
6	t	台	凝集助剤 ポリマ	0.80 kg
7	t	台	固形塩素剤	3.00 kg
8	t	台	脱水助剤 104	kg
9	t	台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清缶剤	kg
12	t	台	並塩	kg
1	t	台	リン酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	m ³
			脱水ケーキ量	t
計	190.11 t	172台	脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1		°C	°C	°C
2	曇	9 °C	14 °C	7 °C
3		°C	°C	°C
4		°C	°C	°C
5		°C	°C	°C
6	晴	13 °C	22 °C	9 °C
7		°C	°C	°C
8		°C	°C	°C
9	晴	9 °C	17 °C	5 °C
10	晴	9 °C	23 °C	6 °C
11	晴	14 °C	24 °C	13 °C
12	曇/晴	12 °C	23 °C	12 °C
13	曇	12 °C	21 °C	11 °C
14		°C	°C	°C
15		°C	°C	°C
16	晴	12 °C	21 °C	7 °C
17	晴	10 °C	22 °C	8 °C
18	晴	14 °C	23 °C	11 °C
19	晴/曇	12 °C	21 °C	8 °C
20	曇/晴	13 °C	22 °C	11 °C
21		°C	°C	°C
22		°C	°C	°C
23	晴	13 °C	19 °C	12 °C
24	曇/晴	12 °C	20 °C	10 °C
25	晴	20 °C	26 °C	13 °C
26	晴	17 °C	24 °C	14 °C
27	曇/雨	15 °C	18 °C	14 °C
28		°C	°C	°C
29		°C	°C	°C
30	晴	12 °C	22 °C	11 °C
31	曇/雨	11 °C	14 °C	10 °C